

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2024/DS-ST**

Ngày : 11.9.2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản, đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Bà **Lê Thị Sáu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh D, sinh năm 1967. Địa chỉ: 11A Lam Sơn, phường Lộc S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Đông Thị B**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bà L có mặt, ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2024, bổ sung ngày 31/5/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà L trình bày:

Bà L không có mối quan hệ họ hàng, anh em với bà B, hai bên có quen biết nhau do cư trú cùng xã L, huyện B nên từ năm 2016 đến năm 2022 bà L cho bà B vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 19/8/2016: Bà L cho bà B vay số tiền 300.000.000 đồng, giấy vay tiền do bà B tự viết, ký, ghi họ tên và trực tiếp nhận tiền, thời hạn trả cuối năm 2016. Đến hạn trả nợ thì bà B chỉ trả được 15 triệu đồng, còn lại không trả. Đến nay đã quá hạn

trên 03 năm nhưng bà B vẫn không trả nợ số tiền gốc còn lại là 285.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu bà B trả nợ gốc số tiền này, không yêu cầu tính lãi.

+ Ngày 13/6/2020: Bà L cho bà B vay số tiền 150.000.000 đồng, bà B tự viết giấy vay, ký, ghi họ tên và trực tiếp nhận tiền, hạn 15 ngày sau trả nợ. Khi vay bà B có cầm làm tin cho bà L 02 giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà B. Tuy nhiên sau đó bà B lấy lại 02 giấy chứng nhận trên và hứa vay tiền để trả cho bà L nhưng không trả. Nay đã quá thời hạn vay, quá 03 năm nên bà L yêu cầu bà B trả gốc 150.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

+ Ngày 14/7/2020: Bà L cho bà B vay số tiền 500.000.000 đồng, bà B tự viết giấy vay tiền, ký tên, ghi họ tên và trực tiếp nhận tiền, hạn 30 ngày sẽ trả nợ. Khi vay tiền, bà B đưa cho bà L giữ 01 giấy chứng nhận QSD đất thửa 297- TBĐ 32 xã Lộc An để làm tin. Sau đó bà B lấy lại giấy chứng nhận và bán đất cho người khác và đồng ý trả cho bà L số tiền 500.000.000 đồng và yêu cầu người bán đất cản trừ sang trả nợ cho bà L. Tuy nhiên việc chuyển nhượng đất không thành, lý do bà B không làm thủ tục sang tên đất cho người mua nên họ đã lấy lại số tiền này, bà B biết và đồng ý. Nay đã quá 03 năm nhưng bà B không trả cho bà L số tiền này nên bà L khởi kiện yêu cầu bà B trả tiền gốc 500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

+ Ngày 11/8/2022: Bà L cho bà B vay số tiền 200.000.000 đồng, bà B trực tiếp nhận tiền, ký, ghi họ tên. Giấy vay tiền đánh sẵn, chưa chỗ chấm và bà B tự điền nội dung vay, số tiền vay, hạn ngày 11/9/2022 sẽ trả nợ. Tuy nhiên quá thời hạn trả nợ nhưng bà B không trả cho bà L. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà B trả nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Về án phí bà L yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Đồng Thị B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến làm việc về nội dung khởi kiện của bà L nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/7/2024 nhưng không thành vì nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bổ sung đối với khoản vay 200 triệu đồng thì yêu cầu tính lãi từ ngày 11/9/2022 đến 11/9/2024 theo lãi suất 0,83%/tháng: $200.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 39.840.000 \text{ đồng}$.

Bị đơn bà Đồng Thị B đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 1.135.000.000 đồng, lãi phát sinh của khoản vay 200.000.000 đồng là 39.840.000 đồng, cộng cả gốc

và lãi là 1.174.840.000 đồng. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đồng Thị B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện bị đơn bà Đồng Thị B để yêu cầu trả nợ tiền vay nhiều lần gồm ngày 19/8/2018, 13/6/2020, 14/7/2020 và ngày 11/8/2022. Tính đến ngày Bà L khởi kiện và Bội thì có các khoản vay các ngày 19/8/2018, 13/6/2020, 14/7/2020 đã quá thời hạn 03 năm, bà L yêu cầu trả gốc, không tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: Kiện đòi tài sản, vay tài sản theo quy tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về Nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị L thừa nhận không có quan hệ họ hàng, anh em với bà Đồng Thị B, hai bên có quen biết đã lâu, tin tưởng nhau do cư trú cùng xã. Hai bên có phát sinh việc vay tiền, bà L cho bà B vay tiền, cụ thể như sau:

Tại “giấy nợ” viết tay ngày 19/8/2016 thể hiện: Bà L cho bà B vay số tiền 300.000.000 đồng, vay để mua bán sầu riêng, có hẹn cuối năm 2016 sẽ trả, hàng tháng nếu có tiền thì trả dần cho bà L, đã trả được 15.000.000 đồng, còn lại 285.000.000 đồng. Người vay bà B ký tên và ghi họ tên “Đồng Thị B”. Bà L khẳng định giấy nợ là do bà B viết khi đã lấy tiền, ngày viết giấy nợ là bà B trả 15 triệu đồng và còn nợ lại 285.000.000 đồng. Đến nay do quá thời hạn trả nợ, quá 03 năm thì bà L mới khởi kiện nên chỉ yêu cầu bà B trả nợ gốc, không tính lãi. Bà B đã được triệu tập nhiều lần không đến làm việc, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là đã trả nợ cho bà L nên cần buộc bà B trả số tiền 285.000.000 đồng cho bà L.

Tại “giấy vay tiền” viết tay ngày 13/6/2020 thể hiện: Bà L cho bà B vay số tiền 150.000.000 đồng, hẹn 15 ngày sau trả nợ, có đưa cho bà L giữ 01 giấy chứng nhận QSD đất (sổ đỏ). Người vay bà B ký, ghi họ tên “Đồng Thị B”. Bà L khẳng định giấy vay tiền do bà B tự viết, trực tiếp lấy tiền. Sau đó bà B xin lại sổ đỏ để bán đất cho người khác nên bà L đã trả sổ đỏ cho bà B nhưng bà B không trả tiền đã vay. Đến nay do quá thời hạn trả nợ, quá 03 năm thì bà L mới khởi kiện nên chỉ yêu cầu bà B trả nợ gốc, không tính lãi. Bà B đã được triệu tập nhiều lần không đến làm việc, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là đã trả nợ cho bà L nên cần buộc bà B trả số tiền 150.000.000 đồng cho bà L.

Tại “Giấy mượn tiền” ngày 14/7/2020 thể hiện: Bà L cho bà B vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày sẽ trả, có đưa cho bà L giữ 01 giấy chứng

nhận QSD đất thửa 297-TBĐ 31, xã L, huyện B. Người vay bà B ký tên, ghi họ tên “Đồng Thị B”. Bà L khẳng định giấy mượn tiền do bà B tự viết. Sau đó bà B lấy lại sổ đỏ bán đất cho người khác để trả toàn bộ nợ cho bà L. Bà L đồng ý trả lại sổ đỏ cho bà B. Sau khi bà B bán đất cho người khác (ông Phạm Khôi), bà B đồng ý trả cho bà L số tiền 800 triệu đồng và đồng ý để người bán đất đưa số tiền này trả nợ cho bà L. Tuy nhiên sau đó bà B không làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho người mua đất nên hai bên không mua bán nữa, và người mua đã báo cho bà B và trực tiếp lấy lại số tiền 700.000.000 đồng từ bà L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập người mua đất của bà B là ông Phạm Khôi, ông Khôi thừa nhận ông và bà B đã hủy việc chuyển nhượng đất, ông lấy lại 700 triệu đồng từ bà L, bà L nợ lại ông 100 triệu đồng, hai bên tự giải quyết với nhau. Bà B đã biết ông lấy lại tiền từ bà L, bà B đã lấy lại đất. Như vậy hiện nay bà B vẫn nợ lại bà L số tiền 500 triệu đồng chưa trả. Đến nay do quá thời hạn trả nợ, quá 03 năm thì bà L mới khởi kiện nên chỉ yêu cầu bà B trả nợ gốc, không tính lãi. Bà B đã được triệu tập nhiều lần không đến làm việc, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là đã trả nợ cho bà L nên cần buộc bà B trả số tiền 500.000.000 đồng cho bà L.

Tại “giấy vay tiền” ngày 11/8/2022 thể hiện: Bà L cho bà B vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, giấy vay được đánh máy in sẵn, có chừa các chỗ “.....” để điền nội dung. Bên vay bà B ký, ghi họ tên “Đồng Thị B”. Bà L khẳng định bà B trực tiếp lấy tiền, tự viết toàn bộ vào nội dung giấy vay tiền. Trong giấy vay có thể hiện chịu lãi suất nhưng không ghi cụ thể bao nhiêu. Tuy nhiên quá thời hạn vay bà B không trả nợ gốc và lãi cho bà L nên bà L khởi kiện. Bà B đã được triệu tập nhiều lần không đến làm việc, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là đã trả nợ cho bà L nên cần buộc bà B trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà L. Về yêu cầu tính lãi, bà L yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 11/9/2022 đến 11/9/2024. Xét lãi suất bà L yêu cầu bà B trả từ ngày vi phạm thời hạn vay theo lãi suất trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Cụ thể lãi phát sinh: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} (11/9/2022 \text{ đến } 11/9/2024) = 39.840.000 \text{ đồng}$. Cộng cả gốc và lãi của khoản vay ngày 11/8/2022 buộc bà B trả cho bà L là 239.840.000 đồng.

Như vậy tổng toàn bộ nợ gốc và lãi cần buộc bà B trả cho bà L là 1.174.840.000 đồng (trong đó nợ gốc là 1.135.000.000 đồng, lãi 39.840.000 đồng).

4. Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn bà Loan được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 47.245.200 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 256, 281, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; các điều 275, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Đồng Thị B về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, đòi tài sản*”.

Buộc bà Đồng Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 1.174.840.000 đồng (gồm tiền gốc 1.135.000.000 đồng, lãi phát sinh là 39.840.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Đồng Thị B phải nộp 47.245.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy